

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN NGHÈO ĐA CHIỀU Ở TỈNH BÌNH DƯƠNG

Huỳnh Ngọc Song Minh⁽¹⁾, Tạ Thị Thanh Trà⁽¹⁾, Nguyễn Đức Lộc⁽¹⁾

(1) Viện Nghiên cứu Đời sống Xã hội

Ngày nhận bài 24/12/2018; Ngày gửi phản biện 8/12/2018; Chấp nhận đăng 10/3/2019

Email: huynhngocsongminh@gmail.com

Tóm tắt

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu lớn hướng tới mục tiêu xóa đói giảm nghèo, nổi bật nhất là tỉnh Bình Dương hiện nay đã không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn thu nhập đơn chiều quốc gia. Tuy nhiên việc đánh giá đơn chiều này chưa thực sự phản ánh hoàn toàn nhu cầu của người nghèo dẫn đến khả năng giảm nghèo chưa bền vững. Bài viết này đánh giá tình trạng nghèo của tỉnh Bình Dương theo phương pháp tiếp cận đa chiều. Kết quả cho thấy mặc dù ở góc độ đa chiều, Bình Dương vẫn còn tồn tại một tỉ lệ hộ nghèo nhất định nhưng nhìn chung tỉ lệ vẫn thể hiện tính hiệu quả trong công tác giảm nghèo của tỉnh Bình Dương. Ngoài ra, bài viết còn cung cấp các số liệu phân tích sâu ở mỗi chiều cạnh nhằm gợi mở hướng điều chỉnh khung nghèo mới phù hợp hơn.

Từ khóa: nghèo đa chiều, xóa đói giảm nghèo, tỉnh Bình Dương

Abstract

MULTIDIMENSIONAL POVERTY: EVIDENCE FROM BINH DUONG PROVINCE

Recently, Vietnam has gained remarkable poverty reduction achievements, notably, according to national income threshold standards, Binh Duong province has no poor households. Nevertheless, measuring poverty in a unilateral manner does not reflect reality, which may lead to unsustainable poverty reduction. This paper assesses poverty in Binh Duong province through a multidimensional approach. The results suggested that in a multidimensional perspective, Binh Duong still has a certain percentage of poor households. However, in general, the rate reflects the effectiveness of poverty reduction policies in Binh Duong province. The paper also provides in-depth analysis data in each dimension to propose an adjusted multidimensional poverty framework for this area.

1. Đặt vấn đề

Khái niệm nghèo đói bao hàm ý nghĩa rất rộng thay vì chỉ được hiểu một cách đơn giản là sự túng thiếu về mặt vật chất. Nghèo đói liên quan đến nhiều khía cạnh trong điều kiện và tình trạng chất lượng cuộc sống của con người, nên khó có thể đưa ra một định nghĩa chung và đầy đủ về nghèo đói. Trên thực tế, tùy thuộc vào mục tiêu, góc độ quan sát, đánh giá các nghiên cứu về đói nghèo thường đưa ra nhiều cách định nghĩa và các tiêu chí xác định nghèo đói riêng. Nghèo đói, theo định nghĩa của Ngân hàng thế giới thì “nghèo không chỉ đơn thuần là vấn đề túng thiếu vật chất mà còn liên quan đến rủi ro, tính dễ bị tổn thương, vấn đề xã hội và các cơ hội” (World Bank,

2006). Trong khi đó, Tổ chức phát triển quốc tế của Úc nhấn mạnh khía cạnh nghèo đói “về mặt đáp ứng những nhu cầu cơ bản, trách nhiệm do có được quyền công dân và sự tham gia, tự do”(AusAID, 2009). Ngân hàng phát triển châu Á cho rằng “nghèo là tình trạng mất đi các tài sản và cơ hội thiết yếu mà mọi người dân đều có quyền được hưởng. Tất cả mọi người cần được tiếp cận với giáo dục và chăm sóc sức khỏe ban đầu. Các hộ gia đình nghèo có quyền duy trì cuộc sống bằng việc hưởng lợi chính đáng từ chính công sức lao động của mình, đồng thời có sự bảo hộ từ môi trường bên ngoài” (ADB, 1999). Các định nghĩa này nhấn mạnh vào khả năng hơn là nhu cầu của cá nhân, nhấn mạnh quyền và quyền lợi mà một công dân có được trong xã hội.

Sự đa dạng về mặt định nghĩa khiến cho các phương pháp đo lường và xác định nghèo dần thay đổi. Trước đây, tình trạng nghèo đói thường được xác định dựa trên “ngưỡng nghèo”, là mức chi tiêu tối thiểu, tổng số tiền chi cho giỏ hàng tiêu dùng trong thời hạn nhất định, bao gồm lượng tối thiểu lương thực thực phẩm và đồ dùng cá nhân, cần thiết để bảo đảm cuộc sống và sức khỏe một người ở tuổi trưởng thành, và các khoản chi bắt buộc khác. Tuy nhiên, nhiều nhà kinh tế cho rằng việc so sánh ngưỡng nghèo chung giữa các quốc gia, nhất là giữa quốc gia kỹ nghệ và quốc gia đang phát triển chỉ mang tính chất tương đối. Hơn nữa, ngưỡng nghèo của khu vực thành thị và nông thôn trong cùng một quốc gia, cũng có sự khác biệt đáng kể nếu nghèo chỉ xác định dựa trên tiêu chí thu nhập. Nhìn chung, phương pháp xác định nghèo đơn chiều dễ dẫn tình trạng kết quả đánh giá không phản ánh được trọn vẹn tình trạng thực tế.

Dựa theo kết quả triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo quốc gia ở Việt Nam, năm 2017, Bình Dương là tỉnh có thành tích đẩy lùi nghèo đói tốt nhất khi trở thành địa phương duy nhất không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn chung của cả nước. Vì vậy mục tiêu mới mà tỉnh Bình Dương đặt ra cho giai đoạn từ năm 2016-2020, là điều chỉnh và nâng cao tiêu chí xác định hộ nghèo với chuẩn nghèo mới cao hơn chuẩn nghèo của quốc gia, đồng thời trở thành địa bàn đầu tiên của cả nước triển khai theo hướng tiếp cận đa chiều.

Bài nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng bộ dữ liệu khảo sát về các hộ nghèo ở tỉnh Bình Dương năm 2017 đồng thời sử dụng phương pháp đo lường phổ biến của Alkire và Foster (2011) để tính toán các chỉ số liên quan tới vấn đề nghèo đa chiều ở Bình Dương. Khác với các nghiên cứu trước đây đã đề xuất và tính toán bộ chỉ số nghèo đa chiều chung cho Việt Nam, bài viết này sẽ chỉ tập trung đo lường và đề xuất khung nghèo đa chiều dành cho tỉnh Bình Dương. Vì hiện nay Bình Dương là tỉnh không còn hộ nghèo theo chuẩn quốc gia, đồng thời cũng có nhiều thành tựu đáng kể trong công cuộc giảm nghèo so với các tỉnh khác trên địa bàn cả nước. Điều này đặt ra một nhu cầu cần phải nghiên cứu và đề xuất khung nghèo đa chiều mới, được điều chỉnh phù hợp với điều kiện hiện nay của. Mặt khác, khung nghèo đa chiều đề xuất trong bài viết này cũng góp phần mang tính chất gợi mở từ nghiên cứu ở tỉnh Bình Dương góp phần cải thiện hơn khung nghèo đa chiều của cả nước trong sự phát triển bền vững sau này.

2. Dữ liệu và phương pháp tiếp cận

Bộ dữ liệu sử dụng để phân tích khung nghèo đa chiều của tỉnh Bình Dương năm 2017 được khảo sát trong khuôn khổ dự án “Sinh kế người nghèo tại tỉnh Bình Dương” dưới sự hỗ trợ của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương và sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh. Về mặt số lượng, bộ dữ liệu bao gồm thông tin của 900 hộ, phân bổ tại 9 thị xã, huyện, mỗi thị xã/huyện lại

chọn hai xã/phường (tổng cộng 18 xã/phường) theo tiêu chí hộ gia đình thuộc diện nghèo, cận nghèo và thoát nghèo trong giai đoạn (1998- 2016). Trong số 900 hộ gia đình được khảo sát, có tổng cộng 3106 thành viên, trong đó số lượng thành viên nữ chiếm tỉ lệ đến 53,9% cao hơn hẳn so với tỉ lệ nam giới. Bộ dữ liệu cung cấp thông tin đầy đủ về đặc điểm thông tin của mỗi hộ và tỉ lệ nghèo theo từng khía cạnh nghèo đa chiều tại tỉnh Bình Dương cùng các thông tin chi tiết khác. Ngoài dữ liệu định lượng của toàn bộ 900 hộ được khảo sát, dự án còn tiến hành phỏng vấn sâu 60 hộ gia đình cùng 40 cán bộ nghèo ở địa phương nhằm cung cấp các góc nhìn đa dạng và sâu sắc về công cuộc giảm nghèo tại tỉnh Bình Dương.

Phương pháp đo lường nghèo đa chiều Alkire-Foster được hai nhà nghiên cứu Sabina Alkire và James Foster thuộc tổ chức OPHI (Oxford Poverty and Development Initiatives) phát triển từ năm 2007. Phương pháp này là một cách thức chung có thể được áp dụng để đo lường khung nghèo đa chiều toàn cầu. Vì thế, phương pháp này đã được sử dụng rộng rãi để tiếp cận nghèo đa chiều ở nhiều quốc gia bao gồm cả Việt Nam. Về cơ bản, nghèo đói thường được xác định bằng cách tính tỷ lệ người nghèo trong dân số, tỷ lệ này được ký hiệu là P. Thay thế cho cách tiếp cận đơn giản này để xác định tỉ lệ người thuộc nhóm nghèo, Alkire và Foster đã phát triển một phương pháp tiên tiến hơn để đo mức nghèo.

Phương pháp AF đo lường sự thiếu hụt diễn ra đồng thời theo các chiều nghèo khác nhau cho mỗi hộ gia đình hoặc cá nhân. Trong các nghiên cứu trước đây áp dụng phương pháp AF, các chỉ số nghèo có thể có trọng số tương đương hoặc khác nhau. Theo OPDI, một người được phân loại là người nghèo dựa trên các tiêu chuẩn đa chiều nếu tổng số thiếu hụt của họ lớn hơn hoặc bằng mức giảm nghèo thường được đề xuất là 20%, 30% hoặc 50% trên tổng tất cả các phương diện. Bằng cách sử dụng phương pháp AF, chỉ số nghèo đa chiều được ký hiệu là MPI được đo bằng phương trình (1): $MPI = I \times D$ (1)

Trong đó I đại diện cho tỷ lệ nghèo đói (tỷ lệ phần trăm dân số nghèo) và D là mức độ nghèo (tỷ lệ thiếu hụt trung bình của mỗi người hoặc hộ gia đình). So với các phương pháp trước đây, phương pháp AF là một cách tiếp cận tổng quát hơn có thể được áp dụng rộng rãi, đặc biệt là để tiếp cận việc đo lường đói nghèo đa chiều.

3. Kết quả đo lường

Trước tiên để đo lường chỉ số nghèo đa chiều, thì một trong những yêu cầu quan trọng là phải xác định các chiều cạnh và các chỉ số đo lường đói nghèo phù hợp. Theo báo cáo của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã được Chính phủ Việt Nam khung chuẩn chung để xác định nghèo đa chiều bao gồm 5 chiều và 10 chỉ tiêu, khung đề xuất này được trình bày cụ thể trong bảng 1. Trong nghiên cứu này, để phân tích nghèo đa chiều dành cho tỉnh Bình Dương, trước hết, chúng tôi sẽ so sánh giữa số lượng Bình Dương và tiêu chuẩn quốc gia. Đồng thời dựa trên cơ sở đó bài nghiên cứu sẽ đề xuất các chỉ số điều chỉnh cho trường hợp của Bình Dương. Chỉ số đa chiều quốc gia đã được đề xuất cho giai đoạn 2016 đến 2020 cũng được trình bày trong bảng 1. Số liệu tổng kết ở bảng mô tả tổng quan tình trạng nghèo của tỉnh Bình Dương dưới góc độ tiếp cận đa chiều cho thấy ở đa số các chiều kích, tỉnh Bình Dương đã thực hiện tốt các hoạt động xóa đói giảm nghèo, tỉ lệ thiếu hụt khá thấp. Để phản ánh sâu hơn về các thông tin trong mỗi chiều kích nghèo bảng mô tả trên còn cung cấp thêm các thông tin khác ở mỗi chiều kích như sau:

Bảng 1: Tổng quan về tình hình nghèo đa chiều ở Bình Dương

Chiều nghèo	Chỉ số đo lường	Cơ sở pháp lý	Chuẩn thiếu hụt	Bình Dương
1) Giáo dục	1.1 Trình độ giáo dục của người lớn	Hiến pháp 2013 NQ 15/NQ-TW Nghị quyết số 41/2000/QH (bổ sung bởi Nghị định số 88/2001/NĐ-CP)	Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên đủ 15 tuổi sinh từ năm 1986 trở lại không tốt nghiệp trung học cơ sở và hiện không đi học	4,50% tỉ lệ thiếu hụt 85% trình độ dưới cấp trung học cơ sở. Khoảng 15% là trình độ trên cơ sở (Nguyên nhân bỏ học, không theo nổi do điều kiện sống của gia đình và tài chính)
	1.2 Tình trạng đi học của trẻ em	Hiến pháp 2013. Luật Giáo dục 2005. Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. NQ 15/NQ-TW	Hộ gia đình có ít nhất 1 trẻ em trong độ tuổi đi học (5 - 14 tuổi) hiện không đi học	4,70% tỉ lệ thiếu hụt
2) Y tế	2.1 Tiếp cận các dịch vụ y tế	Hiến pháp 2013. Luật Khám chữa bệnh 2011.	Hộ gia đình có người bị ốm đau nhưng không đi khám chữa bệnh (ốm đau bao gồm bị bệnh/ chấn thương nặng đến mức phải nằm một chỗ, phải có người chăm sóc nghỉ việc/học không tham gia được các hoạt động bình thường)	5,00% tỉ lệ thiếu hụt 55,2 % hộ có người mắc các bệnh mãn tính 95% có tham gia khám chữa bệnh Dưới 35% đối tượng được khám tổng quát 60% gặp khó khăn trong việc chi trả cho chi phí khám bệnh dù có BHYT 80% mắc bệnh (nhe) tự mua thuốc. 90% mắc bệnh nặng đi khám ở bệnh viện công (nơi đăng ký BHYT)
	2.2 Bảo hiểm y tế	Hiến pháp 2013. Luật bảo hiểm y tế 2014. NQ 15/NQ-TW Một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.	Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 6 tuổi trở lên hiện tại không có bảo hiểm y tế	4,20% tỉ lệ thiếu hụt 75% sử dụng thẻ khám chữa bệnh (và sử dụng) 13% có BHYT 86% không có các loại BHXH

3) Nhà ở	3.1. Chất lượng nhà ở	Luật Nhà ở 2014. NQ 15/NQ-TW Một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.	Hộ gia đình đang ở trong nhà thiếu kiên cố hoặc nhà đơn sơ (Nhà ở chia thành 4 cấp độ: nhà kiên cố, bán kiên cố, nhà thiếu kiên cố, nhà đơn sơ)	Tỉ lệ thiếu hụt 7,67% 80% là cư ngụ trong các dạng nhà cấp 4 và nhà tạm. 88% là nhà riêng của gia đình
	3.2 Diện tích nhà ở bình quân đầu người	Luật Nhà ở 2014. Quyết định 2127/QĐ-Ttg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Diện tích nhà ở bình quân đầu người của hộ gia đình nhỏ hơn 8m ²	Tỉ lệ thiếu hụt 9,67% Chủ yếu 60% diện tích bình quân từ 8 – 50m ² . 76% đất chưa chứng thực
4) Điều kiện sống	4.1 Nguồn nước sinh hoạt	NQ 15/NQ-TW Một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.	Hộ gia đình không được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh	Tỉ lệ thiếu hụt 0,67% 100% đều có sử dụng nước máy hoặc nước giếng trong sinh hoạt
	4.2. Hồ xi/nhà vệ sinh	NQ 15/NQ-TW Một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.	Hộ gia đình không sử dụng hố xi/nhà tiêu hợp vệ sinh	Tỉ lệ thiếu hụt 6,9% 58,2% có nhà vệ sinh riêng trong nhà 30% có nhà vệ sinh ngoài trời
5) Tiếp cận thông tin	5.1 Sử dụng dịch vụ viễn thông	Luật Viễn thông 2009. NQ 15/NQ-TW Một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.	Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet	Tỷ lệ thiếu hụt 3,0% Trong đó tỉ lệ truy cập internet thấp hơn tỉ lệ hộ có thuê bao điện thoại
	5.2 Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin	Luật Thông tin Truyền thông 2015. NQ 15/NQ-TW Một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.	Hộ gia đình không có tài sản nào trong số: Tivi, đài, máy vi tính, và không nghe được hệ thống đài truyền thanh xã/thôn	Tỉ lệ thiếu hụt 3,2%

Nghèo dưới chiều kích về giáo dục: Ở Việt Nam, khung phương pháp đo lường nghèo đói của Bộ Lao Động – Thương Binh và Xã Hội (2015) đề xuất có hai chỉ số đo lường chính cho khía cạnh giáo dục gồm trình độ giáo dục của người lớn và tình trạng đi học của trẻ em. Khi áp dụng phân tích và so sánh số liệu nghiên cứu ở tỉnh Bình Dương, tỉ lệ thiếu hụt trong khía cạnh giáo dục người lớn là 4,5%. Cụ thể hơn 85% đối tượng trong các hộ nghèo trình độ giáo dục dưới cấp trung học phổ thông, nguyên nhân chính là vì điều kiện sống và tài chính của gia đình. Chỉ tiêu thứ hai đo lường mức độ nghèo về khía cạnh giáo dục đó là chỉ tiêu về tình trạng đi học của trẻ em, hiện nay tỉnh chỉ có 4.7% trẻ em dưới 15 tuổi không được đi học, cho thấy mặt bằng chung chiều cạnh này của tỉnh có xu hướng tích cực hơn của cả nước.

Nghèo dưới chiều kích về y tế: Xét về chiều kích y tế, đề án tổng thể chuyển đổi phương pháp đo lường nghèo đói của Bộ Lao Động – Thương Binh và Xã Hội (2015) đề xuất xem xét trên hai chỉ tiêu chính bao gồm mức độ tiếp cận các dịch vụ y tế và tình trạng sở hữu và sử dụng bảo hiểm y tế. Trong đó, tỉ lệ thiếu hụt mức độ tiếp cận các dịch vụ y tế là 5%. Ngoài ra, có 55.2% hộ có người mắc các bệnh mãn tính, trong đó 95% số hộ này có tham gia khám chữa bệnh. Khoảng 35% đối tượng nghèo được tham gia khám sức khỏe tổng quát hằng năm, chỉ tiêu này thấp là do đa số người nghèo ở Bình Dương đều không có công việc ổn định nên họ không được hưởng các chế độ khám sức khỏe định kỳ mỗi năm. Mặt khác, có 60% hộ nghèo chia sẻ rằng họ gặp khó khăn trong việc chi trả cho chi phí khám bệnh dù có sở hữu Bảo Hiểm Y Tế, 80% người nghèo khi mắc bệnh nhẹ thường lựa chọn phương thức tự mua thuốc, 90% người nghèo trong bộ khảo sát mắc bệnh nặng đi khám ở bệnh viện công (nơi đăng ký Bảo Hiểm Y Tế). Chỉ tiêu thứ hai để đánh giá tình trạng nghèo đó là tình hình sở hữu bảo hiểm y tế. Tình hình khảo sát cho thấy tỉ lệ thiếu hụt ở khía cạnh này hiện nay là 4,2%. Trong đó, có 75% người nghèo đang sử dụng thẻ khám chữa bệnh, 13% có bảo hiểm y tế. Số liệu này cho thấy tổng quan sự hỗ trợ để tiếp cận dịch vụ y tế của Bình Dương đang được thực hiện tốt.

Nghèo dưới chiều kích về nhà ở: Chiều kích nhà ở cần được xem xét trên hai chỉ tiêu chính bao gồm diện tích nhà ở và chất lượng nhà ở. Hiện nay chỉ có khoảng 9.67% số người nghèo trong nhóm khảo sát có diện tích nhà ở bình quân dưới 8m². Tuy nhiên, 76% đất ở của người nghèo vẫn chưa được chứng thực sở hữu hợp pháp, vì vậy, trong giai đoạn tới hướng cải thiện của tỉnh nên tập trung về chỉ số này. Đối với tiêu chí về chất lượng nhà ở, tỷ lệ thiếu hụt là 7,67%, có 80% hộ nghèo được khảo sát đang cư ngụ trong các dạng nhà cấp 4 và nhà tạm, trong đó có 88% xác định nhà đang ở là nhà riêng của gia đình.

Nghèo dưới chiều kích về điều kiện sống: Trong chiều cạnh điều kiện sống, bài nghiên cứu này phân tích hai yếu tố là nguồn nước sinh hoạt và hố xí/nhà vệ sinh. Nhìn chung, tỉ lệ thiếu hụt nước sinh hoạt là 0.67%. Tuy nhiên, chỉ có khoảng 32.8% hộ nghèo đang sử dụng nguồn nước máy có chất lượng đảm bảo và đã qua xử lý, còn lại 67% các hộ nghèo ở Bình Dương hiện nay đang sử dụng nước giếng (tự) khoan cho các hoạt động sống của họ. Tỉ lệ thiếu hụt về khía cạnh hố xí/nhà vệ sinh đạt chuẩn ở Bình Dương hiện nay là 6.9%.

Nghèo dưới chiều kích về điều kiện sống tiếp cận thông tin: Về chiều cạnh tiếp cận thông tin, bài nghiên cứu này phân tích hai yếu tố là sử dụng dịch vụ viễn thông và tài sản phục vụ tiếp cận thông tin. Trong xã hội hiện nay, thông tin được xem là một loại tài sản quan trọng vì người được tiếp cận với thông tin nhiều hơn sẽ có khả năng đưa ra quyết định tốt hơn. Tỷ lệ hộ gia đình

không có tài sản nào trong số tivi, đài, máy vi tính; và không nghe được hệ thống đài truyền thanh xã/thôn để hỗ trợ tiếp cận thông tin là 3,2%. Tỷ lệ thiếu hụt về mặt tiếp cận thông tin là 3% hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet.

Bảng 2: Bảng đo lường nghèo đa chiều của tỉnh Bình Dương

Chiều nghèo	Chỉ số đo lường	Chuẩn thiếu hụt	Trọng số	Tỉ lệ thiếu hụt	Tỉ lệ mỗi chiều nghèo
Giáo dục	Giáo dục của người lớn	Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên đủ 15 tuổi (sinh từ năm 1986) không tốt nghiệp trung học cơ sở	1/10	4,50	0.45
	Tình trạng đi học của trẻ em	Hộ gia đình có ít nhất 1 trẻ em trong độ tuổi đi học (5 - 14 tuổi) hiện không đi học	1/10	4,70	0.47
Y tế	Tiếp cận các dịch vụ y tế	Hộ gia đình có người bị ốm đau nhưng không đi khám chữa bệnh	1/10	5,00	0.5
	Bảo hiểm y tế	Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 6 tuổi trở lên hiện không có bảo hiểm y tế	1/10	4,20	0.42
Nhà ở	Chất lượng nhà ở	Hộ gia đình đang ở trong nhà thiếu kiên cố hoặc nhà đơn sơ	1/10	7,67	0.767
	Diện tích nhà ở bình quân	Diện tích nhà ở bình quân đầu người của hộ gia đình nhỏ hơn 8m ²	1/10	9,67	0.967
Điều kiện sống	Nguồn nước sinh hoạt	Hộ gia đình không được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh	1/10	0,67	0.67
	Hồ xí/nhà vệ sinh	Hộ gia đình không sử dụng hồ xí/nhà tiêu hợp vệ sinh	1/10	6,90	0.69
Tiếp cận thông tin	Sử dụng dịch vụ viễn thông	Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet	1/10	3,00	0.30
	Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin	Hộ gia đình không có tài sản nào trong số: Tivi, đài, máy vi tính, và không nghe được hệ thống đài truyền thanh xã/thôn	1/10	3,20	0.32

Dựa trên các kết quả tính toán tỷ lệ thiếu hụt bằng cách sử dụng giá trị và trọng số của các chỉ số cho tất cả các hộ gia đình trong mẫu, chúng tôi sẽ xác định một hộ là nghèo đa chiều nếu hộ này có điểm thiếu hụt dưới mức nghèo. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng ngưỡng cắt nghèo khác nhau để kiểm tra xác định tỉ lệ nghèo. Theo phương pháp AF và đề xuất của OHPI (Oxford Poverty & Human Development Initiative), các ngưỡng cắt thường được sử dụng thông thường bao gồm $C=1/3$ (0.33), $C=2/5$ (0.4) và $C=1/2$ (0.5). Như vậy, người nghèo đa chiều là người bị thiếu hụt từ 1/3, 2/5 hoặc 1/2 tổng điểm thiếu hụt trở lên (so với tổng điểm thiếu hụt của toàn tỉnh).

Bảng 3: Tỉ lệ nghèo đa chiều của tỉnh Bình Dương theo ngưỡng cắt nghèo

Ngưỡng cắt nghèo (Poverty cut-off)	C = 1/3	C = 2/5	C = 1/2
Tỉ lệ thiếu hụt	1,85	2,22	2,78

Bảng 3 cho thấy mặc dù theo ngưỡng nghèo đơn chiều của cả nước về thu nhập tỉnh Bình Dương không còn hộ nghèo, nhưng theo khía cạnh đa chiều tỉnh vẫn còn có một tỉ lệ nghèo nhất định. Trong đó, nếu xét mức thiếu hụt từ 3 đến 4 chiều cạnh trong số 10 chiều cạnh trở lên được xem là nghèo đa chiều, có khoảng 1,85% đến 2,22% tỉ lệ hộ được phỏng vấn thuộc diện nghèo theo cách tiếp cận này. Có khoảng 2,78% hộ thuộc diện nghèo nếu xét ngưỡng thiếu hụt là 5 trên 10 chiều cạnh. Mặt khác, tỉ lệ thiếu hụt này khá thấp, cho thấy tỉnh đã có các chính sách giảm nghèo có hiệu quả đáng kể theo cách tiếp cận đa chiều. Để giảm số lượng người nghèo theo phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều, tỉnh Bình Dương cần giải quyết phối hợp hoặc đơn lẻ theo kết quả tỷ lệ mỗi chiều nghèo ở bảng 2.

4. Kết luận

Việc đánh giá và tiếp cận vấn đề nghèo đói bằng phương pháp nghèo đa chiều sẽ phản ánh được nhiều chiều cạnh hơn và phản ánh tốt hơn tình trạng nghèo thực tế. Chính vì vậy, phương pháp tiếp cận ngày càng được áp dụng rộng rãi hơn ở nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ. Đối với tỉnh Bình Dương, các kết quả đo lường nghèo cho thấy mặc dù theo chuẩn nghèo đơn chiều về thu nhập của cả nước, tỉnh hiện nay đã hoàn toàn thoát nghèo, tuy nhiên, tỉ lệ thiếu hụt theo phương pháp tiếp cận đa chiều cho thấy tỉnh vẫn còn có một tỉ lệ hộ nghèo nhất định. Dù vậy, kết quả đo lường nghèo đa chiều ở tỉnh Bình Dương cũng phản ánh một kết quả thực tế rằng nhìn chung, tỉnh đã đạt được nhiều kết quả đáng kể trong công cuộc giảm nghèo đa chiều.

Ngoài các số lượng đo lường theo khung nghèo đa chiều chuẩn của quốc gia, bài viết còn cung cấp một số các tiêu chí khác trong mỗi chiều nghèo mang ý nghĩa đề xuất điều chỉnh khung nghèo đa chiều của tỉnh phù hợp hơn. Phương pháp tính toán trong bài nghiên cứu này vẫn còn mang tính hạn chế vì sử dụng các trọng số tương đương cho tất cả các chiều cạnh. Trên thực tế yếu tố về nghèo có thể có những tầm quan trọng và sự ưu tiên trong chính sách khác nhau, các bài nghiên cứu kế tiếp về đề tài này cần lập luận chặt chẽ và đề xuất các trọng số cụ thể hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] ADB (1999). *Fighting Poverty in Asia and the Pacific: the Poverty Reduction Strategy*. Asian Development Bank Manila.
- [2] Alkire, S., & Foster, J. (2011). Counting and multidimensional poverty measurement. *Journal of Public Economics*, 95(7–8), 476–487.
- [3] AusAID. (2009). *Tracking development and governance in the Pacific*. Australian Agency for International Development Canberra.
- [4] Bộ Lao Động, Thương Binh, Xã Hội. (2015). *Phê Duyệt Đề Án Tổng Thể "Chuyển Đổi Phương Pháp Tiếp Cận Đo Lường Nghèo Từ Đơn Chiều Sang Đa Chiều Áp Dụng Cho Giai Đoạn 2016 - 2020"*, No: 1614/Q. Retrieved from <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Quyet-dinh-1614-QD-TTg-De-an-chuyen-doi-phuong-phap-do-luong-ngheo-don-chieu-sang-da-chieu-290300.aspx>
- [5] Bộ Lao Động - Thương Binh và Xã Hội. (2018). *Hội thảo công bố nghèo đa chiều ở Việt Nam*. Retrieved from <http://www.molisa.gov.vn/vi/Pages/chitiettin.aspx?IDNews=28985>

- [6] Deutsch, J., & Silber, J. (2005). Measuring multidimensional poverty: An empirical comparison of various approaches. *Review of Income and Wealth*, 51(1), 145–174.
- [7] Gordon, D. (2005). Indicators of poverty & hunger. In Expert Group meeting on youth development indicators (pp. 12–14). United Nations Headquarters New York.
- [8] Nguyễn Trung Thành. (2016). Cách tiếp cận năng lực và cách tiếp cận “phát triển là quyền tự do” của Amartya Sen. *Tạp chí Nghiên cứu con người*, 2(83).
- [9] Ravallion, M. (2011). On multidimensional indices of poverty. The World Bank.
- [10] Sen, A. (1992). The political economy of targeting. World Bank Washington, DC.
- [11] UNDP (2010). Acute Multidimensional Poverty: A New Index for Developing Countries. Human Development Research Paper.
- [12] UNDP (2012) Urban Poverty Assessment in Hanoi and Ho Chi Minh City, UNDP, the Hanoi People’s Committee and the Ho Chi Minh City People’s Committee,
- [13] World Bank. (2006). Poverty. Retrieved from <http://www.worldbank.org/en/topic/poverty>

Bài báo này là sản phẩm khoa học của đề tài "Sinh kế dân nghèo và công cuộc giảm nghèo tại tỉnh Bình Dương". Quyết định số 2134/QĐ-UBND, ngày 9/8/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương.